

Bảng Chỉ số chuyển đổi số UBND cấp xã
(Kèm theo Thông báo số 107 /TB-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022)

I. CHÍNH QUYỀN SỐ

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Chuyển đổi nhận thức			
1.1	<i>Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số, Chính quyền số</i>			
1.1.1	Có Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử của đơn vị	Đài truyền thanh, Ban Biên tập Trang TTĐT xã	Công chức VH&TT xã; Công chức Văn phòng Thống kê xã	Triển khai xây dựng ngay
1.1.2	Tổ chức các hội thảo, hội nghị cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức cấp xã về chuyển đổi số, Chính quyền số	UBND xã	Công chức Văn phòng Thống kê, Công chức VH&TT xã	Hàng năm
1.2	<i>Sự quan tâm của người đứng đầu đối với Chuyển đổi số, Chính quyền số</i>			
1.2.1	Người đứng đầu đơn vị là trưởng ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số của đơn vị	Công chức VH&TT xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã	Đã thực hiện
1.2.2	Số cuộc họp, hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số, chính quyền số do người đứng đầu đơn vị chủ trì	UBND xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã	Hàng năm
1.3	<i>Chủ trương, định hướng của Đảng, Chính quyền về chuyển đổi số, Chính quyền số</i>			
1.3.1	Nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy về Chuyển đổi số, Chính quyền số	Công chức VP ĐU	Công chức VH&TT xã; Công chức Văn phòng Thống kê xã	Hàng năm

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1.3.2	Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh	UBND xã	Công chức VPĐU ủy; BCH Đảng bộ xã; Công an, quân sự xã	Theo giai đoạn và hàng năm
2	Kiến tạo thể chế			
2.1	Kế hoạch, chương trình, đề án chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong CQNN			
2.1.1	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT trong CQNN giai đoạn 2021-2025	Công chức VH&TT xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã	Đã thực hiện
2.1.2	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án hàng năm về phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT trong đơn vị	Công chức VH&TT xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã	Đã thực hiện
2.2	Môi trường pháp lý, cơ chế chính sách về chuyển đổi số, chính quyền số/chính quyền điện tử			
2.2.1	Ban hành hoạch và triển khai việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực trong đơn vị	UBND xã (Bộ phận "Một cửa")	Công chức Văn phòng Thống kê xã; Các đầu mối có TTHC đã đưa vào thực hiện giải quyết Bộ phận "Một cửa"	
2.3	Tổ chức, nhân sự chuyên trách về Chuyển đổi số			
2.3.1	Quyết định thành lập Tổ công tác chuyển đổi số trong đơn vị do Lãnh đạo đơn vị làm tổ trưởng	Công chức VH&TT xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã	Đã thực hiện
2.4	Ngân sách cho CNTT			
2.4.1	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho CNTT	Cán bộ TC Kế toán xã		

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
2.4.2	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho an toàn thông tin mạng	Cán bộ TC Kế toán xã	UBND xã	Hàng năm
2.4.3	Tính minh bạch của ngân sách	Cán bộ TC Kế toán xã		
3	Phát triển hạ tầng và nền tảng số			
3.1	<i>Trang bị máy tính cho CBCC (gồm cả máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)</i>			
3.1.1	Tỷ lệ CBCC tại UBND xã được trang bị máy tính	Công chức VH&TT xã	Cán bộ, công chức xã	
3.2	<i>Mạng LAN, Internet, WAN</i>			
3.2.1	Tỷ lệ CBCC xã có mạng LAN	Công chức VH&TT xã	Cán bộ, công chức xã	100% đã có
3.2.2	Tỷ lệ máy tính kết nối Internet (trừ các máy tính xử lý tài liệu mật theo quy định)	Công chức VH&TT xã	Cán bộ, công chức xã	100% đã có
3.3	<i>Kết nối Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (Mạng TSLCD)</i>			
3.3.1	UBND xã đã kết nối với Mạng TSLCD cấp II	UBND xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã	
4	Hoạt động Chính quyền số			
4.1	<i>Thư điện tử</i>			
4.1.1	Tỷ lệ CBCC có tài khoản thư điện tử công vụ	UBND xã	Công chức VH&TT xã	
4.2	<i>Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành</i>			
4.2.1	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử của đơn vị	UBND xã	Công chức VH&TT xã	
4.3	<i>Chữ ký điện tử, chữ ký số</i>			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
4.3.1	Tỷ lệ các đơn vị đã được cấp chứng thư số	UBND xã	Công chức VH&TT xã	Đạt 100%
4.3.2	Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo của xã được cấp chứng thư số	UBND xã	Công chức VH&TT xã	Đạt 100%
4.4	Các ứng dụng số cơ bản			
4.4.1	Đơn vị đã triển khai ứng dụng Quản lý nhân sự	UBND xã	Công chức VP ĐU Nội vụ xã	
4.4.2	Đơn vị đã triển khai ứng dụng Quản lý Tài chính - Kế toán	UBND xã	Cán bộ Tài chính & Kế toán xã	
4.4.3	Đơn vị đã triển khai ứng dụng Quản lý Thi đua Khen thưởng	UBND xã	Công chức VP ĐU Nội vụ xã	
4.4.4	Đơn vị đã triển khai ứng dụng Quản lý Tài sản	Cán bộ Tài chính & Kế toán xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã	
4.4.4	Triển khai ứng dụng khác	UBND xã	Công chức chuyên môn	
4.5	Hệ thống thông tin báo cáo			
4.5.1	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Cán bộ Tài chính & Kế toán xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã	
4.7	Hội nghị truyền hình trực tuyến			
4.7.1	Tỷ lệ cuộc họp qua hệ thống hội nghị truyền hình giữa UBND xã với UBND cấp huyện, tỉnh, TW thực hiện trong năm	UBND xã	Công chức VH&TT xã; Công chức Văn phòng Thống kê xã	
4.8	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.8.1	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3	Công chức Văn phòng Thống kê xã (Bộ phận "Một cửa" xã);	Công chức đầu mối có TTHC đã đưa vào thực hiện giải quyết Bộ phận "Một cửa"	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
4.8.2	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4	Công chức Văn phòng Thống kê xã (Bộ phận "Một cửa" xã);	Công chức đầu mối có TTHC đã đưa vào thực hiện giải quyết Bộ phận "Một cửa"	
4.9	<i>Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến (HSTT)</i>			
4.9.1	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3 có phát sinh HSTT	Công chức Văn phòng Thống kê xã (Bộ phận "Một cửa" xã);	Công chức đầu mối có TTHC đã đưa vào thực hiện giải quyết Bộ phận "Một cửa"	
4.9.2	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 có phát sinh HSTT	Công chức Văn phòng Thống kê xã (Bộ phận "Một cửa" xã);	Công chức đầu mối có TTHC đã đưa vào thực hiện giải quyết Bộ phận "Một cửa"	
4.10	<i>Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến</i>			
4.10.2	Tỷ lệ HSTT cấp xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã (Bộ phận "Một cửa" xã);	Công chức đầu mối có TTHC đã đưa vào thực hiện giải quyết Bộ phận "Một cửa"	
4.11	<i>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</i>			
4.11.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	Công chức Văn phòng Thống kê xã (Bộ phận "Một cửa" xã);	Bưu điện xã; doanh nghiệp khác	
4.11.2	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ bưu chính công ích	Công chức Văn phòng Thống kê xã (Bộ phận "Một cửa" xã);	Bưu điện xã; doanh nghiệp khác	
4.12	<i>Trang Thông tin điện tử (TTĐT)</i>			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
4.12.1	Cung cấp các thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP	Ban Biên tập Trang TTĐT xã,Đài truyền thanh xã	Các Ban, ngành, đoàn thể, công chức có liên quan	
4.12.2	Cung cấp các thông tin trong các lĩnh vực ưu tiên (kinh tế, chính trị, văn hóa, y tế, giáo dục, tài chính, quốc phòng an ninh)	Ban Biên tập Trang TTĐT xã,Đài truyền thanh xã	Các Ban, ngành, đoàn thể, công chức có liên quan	
4.12.3	Tỷ lệ truy cập Trang TTĐT của đơn vị trong năm	Ban Biên tập Trang TTĐT xã,Đài truyền thanh xã	Các Ban, ngành, đoàn thể, công chức có liên quan	
4.12.4	Cập nhật thường xuyên tin, bài	Ban Biên tập Trang TTĐT xã,Đài truyền thanh xã	Các Ban, ngành, đoàn thể, công chức có liên quan	
5	An toàn, an ninh mạng			
5.1	<i>Triển khai an toàn, an ninh theo mô hình 04 lớp</i>			
5.1.1	Triển khai công tác an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin Chính quyền số theo mô hình 04 lớp	UBND xã	Công chức VH&TT xã; Công chức Văn phòng Thống kê xã	
5.2	<i>Bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ</i>			
5.2.1	Tỷ lệ hệ thống thông tin trong CQNN được phê duyệt theo cấp độ	UBND xã	Công chức VH&TT xã; Công chức Văn phòng Thống kê xã	
5.3	<i>Tỷ lệ cài đặt phần mềm Công chức, chống mã độc</i>			
5.3.1	Tỷ lệ hệ thống thông tin CQNN có 100% máy chủ, máy trạm được cài đặt phần mềm Công chức, chống mã độc	UBND xã	Công chức VH&TT xã, CB công chức xã	
5.4	<i>Xử lý tấn công mạng và năng lực ứng cứu sự cố</i>			
5.4.1	Tỷ lệ xử lý tấn công mạng	UBND xã	Công chức VH&TT xã, CB công chức xã	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
5.4.2	Tỷ lệ sự cố tự xử lý	UBND xã	Công chức VH&TT xã, CB công chức xã	
5.4.3	Tỷ lệ tham dự diễn tập ứng cứu sự cố do Cơ quan điều phối chủ trì	UBND xã	Công chức VH&TT xã, CB công chức xã	
6	Đào tạo, phát triển nhân lực Chính quyền số			
6.1	Cán bộ chuyên trách CNTT			
6.1.1	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT	UBND xã	Công chức VP ĐU Nội vụ xã	
6.1.2	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ đại học chuyên ngành CNTT trở lên	UBND xã	Công chức VP ĐU Nội vụ xã	
6.1.3	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách an toàn thông tin		Công chức VP ĐU Nội vụ xã	
6.2	Đào tạo kỹ năng số			
6.2.1	Đơn vị đã có chương trình, Kế toán đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho CBCC trong CQNN và Lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn	UBND xã	Công chức VH&TT xã	
6.2.2	Đơn vị đã có chương trình, Kế toán đào tạo, tập huấn về kỹ năng sử dụng và khai thác các dịch vụ công trực tuyến, các dữ liệu mở do đơn vị cung cấp cho người dân và doanh nghiệp	UBND xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã	
6.2.3	Tỷ lệ lãnh đạo xã có tham gia ít nhất 1 khoá đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số do tỉnh tổ chức	UBND xã	Lãnh đạo xã	
6.2.4	Số lượt trung bình một cán bộ chuyên trách về CNTT được tham gia đào tạo chuyên sâu về các kỹ thuật, công nghệ số trong năm	UBND xã	CB, công chức xã	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
6.2.5	Tỷ lệ CBCC được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của huyện	UBND xã	CB, công chức xã	
6.2.6	Tỷ lệ CBCC được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, khai thác các dữ liệu số do huyện cung cấp	UBND xã	CB, công chức xã	
II. KINH TẾ SỐ				
1	Chuyển đổi nhận thức			
1.1	<i>Tuyên truyền, phổ biến về kinh tế số</i>			
1.1.1	Tuyên truyền về chuyển đổi số trên Đài truyền thanh, trang thông tin điện tử của xã	Ban Biên tập Trang TTĐT xã, Đài truyền thanh xã	Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể	
1.2	<i>Chủ trương, định hướng của Đảng, Chính quyền về phát triển kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp</i>			
1.2.1	Nghị quyết của Đảng ủy có nội dung, nhiệm vụ cụ thể về kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế	Công chức VP ĐU xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã; Công chức VH&TT xã;	
1.2.2	Nghị quyết của HĐND, UBND xã có nội dung, nhiệm vụ cụ thể về kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế	Công chức Văn phòng Thống kê xã	Công chức VH&TT xã;	
2	<i>Ngân sách cho phát triển kinh tế số</i>			
2.1	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho phát triển kinh tế số (như hỗ trợ phát triển hạ tầng, phát triển các lĩnh vực kinh tế số, ...)	UBND xã	Cán bộ Tài chính& Kế toán xã	
3	Phát triển hạ tầng và nền tảng số			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
3.1	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã đã có kết nối băng thông rộng cố định (cáp quang)	UBND xã	Các nhà mạng trên địa bàn xã,	
4	Hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng			
4.1	Tỷ lệ tiền sử dụng điện được thanh toán theo hình thức không dùng tiền mặt trong năm	Điện lực Tứ Kỳ, UBND xã	Các ban ngành đoàn thể, CB, công chức xã	
4.2	Tỷ lệ tiết kiệm điện trên địa bàn xã do áp dụng công nghệ mới	Điện lực Tứ Kỳ, UBND xã	Các ban ngành đoàn thể, CB, công chức xã	
	III. XÃ HỘI SỐ			
1	Chuyển đổi nhận thức về Xã hội số			
1.1	<i>Tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số và xã hội số</i>			
1.1.1	Đài Truyền thanh có tin, bài về chuyển đổi số phát sóng định kỳ hàng tháng	Đài truyền thanh xã	Công chức VH&TT xã	
1.1.2	Tổ chức hội thảo, hội nghị cho lãnh đạo hợp tác xã trên địa bàn xã được tham gia ít nhất một đợt hội nghị, tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, xã hội số	UBND xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã; Công chức Văn hóa và Thông tin xã	
1.1.3	Xây dựng Xã/Hợp tác xã mẫu về chuyển đổi số để làm các mô hình mẫu cho các xã, phường khác học hỏi và nhân rộng	UBND xã	Công chức Địa chính xã,	
1.2	<i>Chủ trương, định hướng của Đảng, Chính quyền về phát triển xã hội số và chuyển đổi số cho người dân</i>			
1.2.1	Nghị quyết của Đảng ủy có nội dung, nhiệm vụ cụ thể về Xã hội số, Chuyển đổi số cho người dân	Công chức VP Đảng ủy	Công chức Văn hóa và Thông tin xã; Công chức Văn phòng Thống kê xã;	
1.2.2	Nghị quyết của UBND, HĐND xã có nội dung, nhiệm vụ cụ thể về Xã hội số, Chuyển đổi số cho người dân	Công chức Văn phòng Thống kê xã	Công chức Văn hóa và Thông tin xã	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
2	Kiến tạo thể chế			
2.1	Có Chương trình, Đề án của xã hỗ trợ người khuyết tật, người yếu thế tiếp cận xã hội số, cuộc sống số	UBND xã	Công chức LĐTB&XH xã	
2.2	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho phát triển xã hội số, thúc đẩy chuyển đổi số cho người dân	UBND xã	Cán bộ Tài chính-Kế toán xã	
3	Hoạt động Xã hội số			
3.1	Sử dụng thiết bị số và truy cập mạng của người dân			
3.1.1	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	UBND xã	Các ban ngành đoàn thể; Công chức Văn phòng Thống kê xã; Công chức Văn hóa và Thông tin xã	
3.1.2	Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng Internet	UBND xã	Các ban ngành đoàn thể; Công chức Văn phòng Thống kê xã; Công chức Văn hóa và Thông tin xã	
3.2	Sử dụng dịch vụ số của người dân			
3.2.1	Điểm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân về chuyển đổi số và công nghệ số	UBND xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã; Công chức Văn hóa và Thông tin xã	
3.3	Ứng dụng các dịch vụ y tế số cho người dân và xã hội			
3.3.1	Tỷ lệ cơ sở y tế từ cấp xã trở lên có kết nối hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa	Công chức Y tế, Trung tâm Y tế xã	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	
4	An toàn, an ninh mạng			
4.1	Tỷ lệ người dân được tập huấn, phổ biến kiến thức về bảo vệ ATTT trên mạng	UBND xã	Công chức Văn hóa và Thông tin xã, ban ngành đoàn thể xã	
4.2	Tỷ lệ người dân được tập huấn, phổ biến kiến thức về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trên không gian mạng	UBND xã	Công chức Văn hóa và Thông tin xã; ban ngành đoàn thể xã	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
4.3	Tỷ lệ người dân được tập huấn, phổ biến kiến thức về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng	UBND xã	Công chức Lao động TB&XH xã	
5	Đào tạo và phát triển nhân lực Xã hội số			
5.1	Đào tạo, giáo dục về chuyển đổi số, xã hội số			
5.1.1	Tập huấn, đào tạo về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ thôn	UBND xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã; Công chức Văn hóa và Thông tin xã	
5.1.2	Tỷ lệ người dân được tập huấn, phổ biến về các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số trên mạng	UBND xã	Công chức Văn phòng Thống kê xã; Công chức Văn hóa và Thông tin xã	
5.1.3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông (công lập, dân lập) có dạy môn tin học trong chương trình chính khóa	UBND xã	Các trường TH, THCS trên địa bàn xã	
5.1.4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông (công lập, dân lập) có triển khai đào tạo áp dụng mô hình STEM, STEAM hoặc STEAME	UBND xã	Các trường TH, THCS trên địa bàn xã	
5.1.5	Tỷ lệ học sinh (tiểu học, trung học cơ sở) được tham gia các khóa học áp dụng mô hình STEM, STEAM, STEAME	UBND xã	Các trường TH, THCS trên địa bàn xã	
5.1.6	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông (công lập, dân lập) triển khai đào tạo về kỹ năng số cho học sinh	UBND xã	Các trường TH, THCS trên địa bàn xã	
5.1.7	Tỷ lệ học sinh (tiểu học, trung học cơ sở) được tham gia các khóa học đào tạo kỹ năng số	UBND xã	Các trường TH, THCS trên địa bàn xã	
5.1.8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục (công lập, dân lập) có triển khai đào tạo trực tuyến thường xuyên hàng năm	UBND xã	Các trường TH, THCS trên địa bàn xã	
5.2	Ứng dụng các dịch vụ giáo dục trong xã hội			
5.2.1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa	Công chức GD&ĐT xã	Các trường TH, THCS trên địa bàn xã	
5.2.2	Tỷ lệ cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập	Công chức GD&ĐT xã	Các trường TH, THCS trên địa bàn xã	